Bài Thứ 17 - Động từ "*là*", εἰμὶ : Thì Hiện Tại và Quá Khứ Chưa Hoàn Thành theo Lối Trình Bày Chủ Động

Bài thực hành 17 - εἰμὶ ở thì hiện tại theo lối trình bày chủ động

A – Phần Phiên Dịch các từ ngữ và cụm từ - anh chị cố gắng thực hiện càng nhanh càng tốt.

ἐγώ εἰμι	οὐκ εἰμί	σὺ εἶ
θεοῦ υἱὸς εἶ	οὐκ ἐστέ	οὐκ ἐσμέν
οὐκ ἔστιν	ἐν αὐτῷ ἐσμεν	ἐσμὲν τέκνα θεοῦ
ἐγὼ ἀγαθός εἰμι	οὐκ εἰσίν	υἱὸς ἀνθρώπου ἐστίν
σὺ εἶ ὁ χριστὸς	ἐν αὐτῷ ἐσμεν	οὐκ εἰμὶ ἀπόστολος ;
ὁ προφήτης εἶ σύ ;	ποῦ εἰσιν ;	μαθηταί μού ἐστε

Nhắc nhở : ποῦ *ở đâu* - ἀγαθός *tốt (ngon)* - τὸ τέκνον *đứa trẻ, con cái*
Hỗ trợ : dấu **';'** mang ý nghĩa gì?

B - Phần Phiên dịch các từ ngữ và cụm từ sau đây. Có lẽ anh chị cần kiểm tra để đừng quên các giới từ...

ἦς	ἦς πιστός	σὺ ἦσθα
σὺ ἦσθα μετὰ ᾽Ιησοῦ	οὐκ ἦν	οὐκ ἦν μετ᾽ αὐτῶν
ἐν αὐτῷ ζωὴ ἦν	οὗτος ἦν μετὰ ᾽Ιησοῦ	οὐκ ἦσαν
ἦσαν μετ᾽ αὐτῶν	οὐκ ἦμεν	πρὸς ὑμᾶς ἦμεν

ἐκ τοῦ κόσμου ἦτε	ἦτε δοῦλοι τῆς ἁμαρτίας
οὗτος ἦν ἐν τῇ ἐρήμῳ	δοῦλοι ἦτε τῆς ἁμαρτίας
ἐν τῇ συναγωγῇ ἦν ἄνθρωπος	ἦν γὰρ αὐτῶν πονηρὰ τὰ ἔργα

Từ vựng : ἡ συναγωγή, ῆς *nhà hội Do-thái giáo (synagogue)* - ἡ ἔρημος, -ου *sa mạc* - πονηρός, ά, όν *xấu, tồi tệ*

Nhắc nhở : anh chị có nhớ là một chủ từ giống trung số nhiều thường kết hợp và biến thể với một động từ ở số ít?

Bài thực hành 17 - Hệ thống đặt dấu các từ ghép sau (enclitiques)

C – Anh chị hãy tìm ta quy tắc được sử dụng trong hệ thống đặt dấu của động từ "εἰμὶ" hay của từ đi trước động từ này, rồi sau đó phiên dịch sang tiếng Việt.

1	οὐκ ἐσμέν	2	ἐκ τοῦ θεοῦ ἐσμεν
3	ἐν ἐρήμῳ τόπῳ ἐσμέν	4	ὅτι πολλοί ἐσμεν
5	ἡμεῖς τυφλοί ἐσμεν ;	6	ἐκ τῆς ἀληθείας ἐσμέν
7	ὅτι ἐσμὲν τέκνα θεοῦ	8	τέκνα θεοῦ ἐσμεν
9	ἐν αὐτῷ ἐσμεν	10	ἡμεῖς δὲ τοῦ Μωϋσέως ἐσμὲν μαθηταί

Từ vựng : ἐν ἐρήμῳ τόπῳ *ở một nơi vắng người (hay trong sa mạc)* - τυφλός, -ου *mù quáng* [tt] -
ὅτι *vì, tại vì* - πολλοί *nhiều* [s.nh.] - Μωϋσῆς, -έως *Môi-se*

Bài thực hành 17 - Từ vựng

Đ - Phần Phiên Dịch các từ ngữ và cụm từ - anh chị cố gắng thực hiện càng nhanh càng tốt.

ὁ τόπος	οἱ τόποι	ὁ καρπός	καρποί
ὁ καιρός	τυφλός	καρποί	τυφλοί

ἐλεύθερος	ὅτι	τόποι	ἐλεύθερα
οἱ καρποί	οἱ τυφλοί	ὅτι	ἐλεύθεροι

E –Anh chị hãy phiên dịch các câu sau đây.

ὑμεῖς λέγετε ὅτι ἐγώ εἰμι

οὐκ εἰμὶ ἐλεύθερος ; οὐκ εἰμὶ ἀπόστολος ;

καγὼ δέ σοι λέγω ὅτι σὺ εἶ Πέτρος

ὁ ὀφθαλμός σου πονηρός ἐστιν ὅτι ἐγὼ ἀγαθός εἰμι ;

ἀλλὰ ὑμεῖς οὐ πιστεύετε, ὅτι οὐκ ἐστὲ ἐκ τῶν προβάτων τῶν ἐμῶν.

ἐκ τοῦ κόσμου οὐκ εἰσὶν καθὼς [như] ἐγὼ οὐκ εἰμὶ ἐκ τοῦ κόσμου.

οὐκ ἔστιν μαθητὴς ὑπὲρ τὸν διδάσκαλον οὐδὲ δοῦλος ὑπὲρ τὸν κύριον αὐτοῦ.

Có lẽ anh chị xứng đáng được nghỉ ngơi (và nghĩ phép). Nếu anh chị muốn chúng ta sẽ gặp lại nhau đầu tháng 9. Trong khi chờ đợi, anh chị đừng ngần ngại làm lại các bài thực hành ...